

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2025

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Sầm
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiên Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mỹ Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2025 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ánh T**, sinh năm 1994. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú hiện nay: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Văn H**, sinh năm 1988. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú hiện nay: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Chị T và anh H quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2016, có tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, được cấp giấy chứng nhận ngày 03/8/2016. Sau khi thành hôn vợ chồng sống tại ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre, vợ chồng chung sống hạnh phúc được tám năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh H

không quan tâm đến vợ con. Khi mâu thuẫn xảy ra cả hai đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2024 đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ được. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn với anh H. Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh H có một con chung là Huỳnh Hạo N, sinh ngày 11/3/2022, con sống chung với chị T và gia đình ngoại từ nhỏ, khoảng một tháng nay thì anh H dẫn cháu N về sống cùng anh H, không cho cháu N sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn là anh Huỳnh Văn H trình bày:

Anh H thống nhất với lời trình bày của chị T về điều kiện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung. Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày là không đúng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị T có quan hệ tình cảm với người khác vì anh H thấy có người đàn ông lạ sống cùng chị T và gia đình, anh H hỏi chuyện với chị T nhưng chị T không thừa nhận và cho rằng người này là con nuôi của cha mẹ chị T, dẫn đến mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng và ly thân từ tháng 10/2024 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh H đồng ý ly hôn với chị T. **Về con chung:** Có một con chung là Huỳnh Hạo N, sinh ngày 11/3/2022, con sống chung với anh H khoảng 01 tháng nay, do anh H thấy nhà chị T có người đàn ông lạ sống cùng, anh không yên tâm vì sợ người này có thể bắt cháu N đưa đi nơi khác nên anh H không yên tâm khi để chị T nuôi dưỡng cháu N; anh H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình tại các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T, cụ thể: Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T được ly hôn với anh Huỳnh Văn H. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Ánh T được quyền nuôi con chung là Huỳnh Hạo N, sinh ngày 11/3/2022, anh Huỳnh Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Ánh T không có yêu cầu. Về tài sản chung: Không có nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Căn cứ vào đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ánh T đối với anh Huỳnh Văn H thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2] Anh Huỳnh Văn H có nơi cư trú tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh T và anh Huỳnh Văn H tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận.

[2.2] Chị T cho rằng hôn nhân giữa chị và anh H không hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh H. Tại phiên tòa anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh H là có thật và đã đến mức trầm trọng, không thể đoàn tụ để tiếp tục cuộc sống chung của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về con chung: Có một con chung là Huỳnh Hạo N, sinh ngày 11/3/2022. Chị T và anh H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn. Chị T và anh H trình bày cháu Huỳnh Hạo N sống cùng chị T và ông bà ngoại từ nhỏ, cháu N chỉ sống chung cùng anh Hiền từ cách nay khoảng một tháng. Anh H thừa nhận chị T chăm sóc cháu N rất tốt. Tuy nhiên do anh H thấy có người lạ mặt sống cùng gia đình chị T nên lo sợ người này sẽ bắt cháu N đi, do đó anh H không đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con khi anh chị ly hôn. Lời trình bày này của anh H không được chị T thừa nhận, anh H cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của anh H là có căn cứ. Xét thấy, chị T cũng đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con, cháu Hạo N cũng đã thích nghi với môi trường sống và với việc chăm sóc, giáo dục của chị T và gia đình bên ngoại và hiện cháu Huỳnh Hạo N chưa đủ 36 tháng tuổi. Do đó, để đảm bảo sự phát triển của cháu Huỳnh Hạo N cả về thể chất lẫn tinh thần, Hội đồng xét xử giao con chung là Huỳnh Hạo N cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.5] Về tài sản chung: Chị T và anh H trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.6] Về nợ chung: Chị T và anh H trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị T 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tại phiên tòa là phù hợp với các nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228, 271, 273, 278, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Anh T1, cụ thể:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Anh T1 được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Hạo N, sinh ngày 11/3/2022 cho chị Nguyễn Thị Anh T1 trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Anh T1 anh Huỳnh Văn H cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nuôi con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Anh T1, anh Huỳnh Văn H hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Anh T1, anh Huỳnh Văn H có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Anh T1 và anh Huỳnh Văn H trình bày không có tài sản chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Anh T1 và anh Huỳnh Văn H trình bày không có nợ chung, không có yêu cầu nên không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Anh T1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số tòa án số 0004836 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre là đủ.

6. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự ^(2b) ;
- TAND tỉnh Bến Tre ^(1b) ;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam ^(1b) ;
- UBND xã Thành Thới A ^(1b) ;
- Lưu HS, VP ^(3b) TC:9b .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Trang

